

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2021.

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thanh.

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về *“tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 47/TB- TA ngày 13 tháng 7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 31/TB – TA ngày 28 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Út T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 1366/4, quốc lộ 30, tổ 8, khóm 1, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Thanh V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 1366/4, quốc lộ 30, tổ 8, khóm 1, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: chị T, vắng mặt: anh V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Út T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Cao Lãnh ngày 19/12/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng khoảng vài năm trở lại đây giữa chị T và

anh V thường xuyên xảy ra bất hòa. Cả hai không quan tâm gì nhau, tình cảm lạnh nhạt, nguyên nhân chính là do chị T thường xuyên bị anh V gây khó dễ. Cuộc sống chung giữa chị T và anh V không còn hạnh phúc. Khoảng 01 năm nay chị T bỏ ra ngoài sống và tự đi làm việc để trang trải cuộc sống. Thời gian xa nhau cả hai không có hàn gắn tình cảm, anh V không quan tâm và đã bỏ rơi chị T. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh V.

Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 24/6/2000 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 06/8/2009.

Đối với con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 24/6/2000, hiện tại đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 06/8/2009. Hiện con chung đang sống chung với anh V, chị T đồng ý để anh V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Thanh V, căn cứ vào nội dung xác nhận nơi cư trú của Công an phường 11 thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do chị T cung cấp có nội dung: Anh Lê Thanh V, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại số 1366/4, Quốc lộ 30, tổ 8, khóm 1, Phường 11, thành phố Cao Lãnh và Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh V. Tuy nhiên, anh V vắng mặt trong quá trình Tòa án thực hiện các giai đoạn tố tụng. Đồng thời anh V cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị T nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lê Thanh V có địa chỉ tại Phường 11, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V tại địa chỉ nêu trên nhưng anh không có văn bản ý kiến và vắng mặt đến lần thứ 2 trong quá trình tố tụng và phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Trần Thị Út T về việc yêu

cầu ly hôn với anh Lê Thanh V, Hội đồng xét xử xét thấy: chị Trần Thị Út T và anh Lê Thanh V kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh V.

Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh V là do anh V thường xuyên uống rượu, dùng những lời lẽ đe dọa chị T. Năm 2018, chị T đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với anh V. Trong thời gian này, chị và anh V không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tháng 3/2021, chị T gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V, trong thời gian Tòa án giải quyết, chị T có liên lạc với anh V nhưng không liên lạc được và anh V cũng không có liên lạc với chị T. Tại phiên tòa, chị T xác định giữa chị và anh V không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và tiếp tục chung sống. Chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh V.

Đối với anh V, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V cũng không đến Tòa án hoặc không có văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị T. Điều này thể hiện, anh V không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình với chị T. Do đó, căn cứ vào lời trình bày của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T với anh V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 24/6/2000 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 06/8/2009.

Đối với con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 24/6/2000, hiện tại đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 06/8/2009. Chị T đồng ý để anh V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Như Q. Xét ý kiến của chị T về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 26/6/2021, cháu Lê Thị Như Q cũng có nguyện vọng sống cùng với cha là anh Lê Thanh V và hiện tại cháu Lê Thị Như Q đang sống cùng với anh Lê Thanh V. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của chị T phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và ý chí nguyện vọng của cháu Lê Thị Như Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Út T. Chị Trần Thị Út T được ly hôn với anh Lê Thanh V.

- Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 24/6/2000 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 06/8/2009.

Con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 24/6/2000, hiện tại đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Anh Lê Thanh V được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 06/8/2009. Hiện nay con chung đang sống chung với anh Lê Thanh V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Út T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007950 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Thanh V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị Trần Thị Út T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như

